TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 66/2022/QĐST-HNGĐ	*Văn Giang, ngày 13 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 66/2022/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu:

Họ và tên: Chị **Đỗ Thanh T;** Sinh năm: 1985

HKTT: Thôn V A, xã VK, huyện VG, tỉnh HY

Hiện trú tại: Số nhà 2, Tổ 1, Khu 2, Phường TS, Thành phố UB, tỉnh QN

Họ và tên: Anh **Lê Chí T1**; Sinh năm: 1986

HKTT: Thôn V A, xã VK, huyện VG, tỉnh HY

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu **Lê Ngọc B**; Sinh ngày: 10/01/2014

Cháu **Lê Đỗ Ngọc B1**; Sinh ngày: 03/11/2018

Đều HKTT: Thôn V A, xã VK, huyện VG, tỉnh HY

Người đại diện cho cháu Lê Ngọc B: Chị Đỗ Thanh T

(Mẹ đẻ cháu Lê Ngọc B)

Người đại diện cho cháu Lê Đỗ Ngọc B1: Anh Lê Chí T1

(Bố đẻ cháu Lê Đỗ Ngọc B1)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[Về quan hệ hôn nhân]: Anh Lê Chí T1 và chị Đỗ Thanh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VK, huyện VG, tỉnh HY ngày 29/3/2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau ngày cưới, anh chị chung sống tại thôn V A, xã VK cùng gia đình anh T1.

Thời gian đầu chung sống, anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng. Tuy nhiên, từ năm 2019, khi chị T đi làm ở xa, thường đi sớm về muộn, vợ chồng không tin tưởng nhau, từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi cọ với nhau.

Mặc dù được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Từ năm 2020, anh chị ở chung nhà nhưng vợ chồng không quan tâm, không trò chuyện cùng nhau, đến đầu năm 2022, chị T về nhà mẹ đẻ ở. Từ khi vợ chồng ly thân, anh chị không thể đoàn tụ được. Nay sau một thời gian dài ly thân, anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa anh T1 và chị T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung trong hôn nhân đã không tồn tại một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả anh T1 và chị T đều thật sự tự nguyện ly hôn do đó cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Chí T1 và chị Đỗ Thanh T.

[Về con chung]: Anh Lê Chí T1 và chị Đỗ Thanh T cùng xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Ngọc B sinh ngày 10/01/2014 và cháu Lê Đỗ Ngọc B1 sinh ngày 03/11/2018. Hiện tại, anh chị đang mỗi người nuôi một con chung, việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con đã ổn định.

Nay ly hôn, anh T1 và chị T cùng thống nhất thỏa thuận:

Giao anh Lê Chí T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Đỗ Ngọc B1 đến khi cháu Ngọc B1 thành niên.

Giao chị Đỗ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Ngọc B đến khi cháu Ngọc B thành niên;

Anh chị không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho nhau.

Đây là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm B1 quyền lợi của các con chung nên được công nhận.

[Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất ruộng nông nghiệp]: Anh Lê Chí T1 và chị Đỗ Thanh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên sẽ không đặt ra xem xét, giải quyết.

[Về lệ phí]: Anh Lê Chí T1 tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Chí T1 và chị Đỗ Thanh T đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lê Chí T1 và chị Đỗ Thanh T cùng xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Ngọc B sinh ngày 10/01/2014 và cháu Lê Đỗ Ngọc B1 sinh ngày 03/11/2018

Anh T1 và chị T cùng thống nhất thỏa thuận:

Giao anh Lê Chí T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Đỗ Ngọc B1 đến khi cháu Lê Đỗ Ngọc B1 thành niên.

Giao chị Đỗ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Ngọc B đến khi cháu Lê Ngọc B thành niên.

Anh T1 và chị T không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, anh T1, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Chí T1 tự nguyện nộp 300.000đ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí anh T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010716 ngày 19/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, anh T1 đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Văn Giang;
- UBND xã VK;
(ĐKKH số 19 ngày 29/3/2013)
- THADS huyện Văn Giang;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Thị Bích Thủy